**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN TOÁN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Phân số****(15 tiết)** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | 1(TN1) |  | 1(TN2) |  |  |  |  |  | **4** |
| Các phép tính với phân số. Hai bài toán về phân số. |  |  |  |  |  | 2(TL1a; 1b) |  |  | **10** |
| **2** | **Số thập phân****(11 tiết)** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. | 1(TN3) |  | 1(TN4) |  |  | 4(TL2a,2b, 3a, 3b) |  | 1(TL6) | **34** |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản*****(16 tiết)*** | Điểm, đường thẳng, tia | 2(TN 5; 6) |  |  |  |  |  |  |  | **4** |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng. | 2(TN 7; 8) | 1(TL4b) |  |  |  |  |  |  | **11,5** |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc. | 2(TN 9; 10 | 3(TL4a) |  |  |  |  |  |  | **11,5** |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước | 1(TN 11) |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 1(TL 5b) |  |  |  |  |  |  | **5** |
| – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  | 2(TN 12,13) | 1(TL 5a) |  |  |  |  | **14** |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | 1(TN 15) |  | 1(TN 14) |  |  |  |  |  | **4** |
| Tính xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **14** | **6** | **6** | **1** | **27** |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | **20%** | **30%** | **10%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN TOÁN –LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** |  |  |  |  |
| **1** | **Phân số** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.– Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.– Nhận biết được số đối của một phân số.– Nhận biết được hỗn số dương. | 1 (TN1) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1 (TN2) |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).. |  |  | 2(TL1a; 1b;) |  |
|  |  | ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  |  |
| **2** | **Số thập phân** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. | 1 (TN3) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 1(TN 4) |  |  |
| ***Vận dụng:*** – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.– Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 4(TL2a,2b; 3a,3b) |  |
|  | ***Vận dụng cao:***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | 1(TL6) |
| **HÌNH HỌC PHẲNG** |  |  |  |  |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.– Nhận biết được khái niệm tia.. | 2 (TN5;6) |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:*** –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | 2 (TN7; 8)1(TL4b) |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).– Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 2 (TN9; 10)1(TL4a) |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** |  |  |  |  |
| **4**  |  **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. | 1 (TN11) |  |  |  |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. |  |  |  |  |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | ***Nhận biết:*** – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). | 1(TL5b) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***– Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 1(TL5a) |  |  |
|  |  | ***Vận dụng:***– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **5**  | **Phân tích và xử lí dữ liệu** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Nhận biết:*** – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:*** – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | 1 (TN12,13  |  |  |
| ***Vận dụng:***– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:*** –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | 1 (TN15) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:*** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | 1 (TN14) |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:*** – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |
| ***Tổng*** |  | 14 | 6 | 6 | 1 |
| ***Tỉ lệ %*** |  | 40% | 20% | 30% | 10% |
| ***Tỉ lệ chung*** |  | 60% | 40% |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II****MÔN TOÁN 6***Thời gian làm bài 90 phút* *(không kể thời gian giao đề)* |

**I . TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).**

***Chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng trong các câu sau:***

**Câu 1. Câu 1:** Trong các phân số sau, số nào bằng phân số 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**   | **B.**  | **C.**  | **D.**   |

**Câu 2.** Số đối của phân số  là?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**  | **B.**  | **C.**   | **D.**  |

**Câu 3.** Phân số  được viết dưới dạng số thập phân là

A) 3,1 B) 0,31 C) 0,031 D) 31

**Câu 4:** Cách so sánh nào sau đây đúng?

A.-3,1 < - 2,9 B. -3,16 > -2,82

C. - 4,5 < - 4,8 D. 2,51 < 2,49

**Câu 5.** Cho hình vẽ bên. Bộ ba điểm nào sau đây **không** thẳng hàng?

A.  B. 

C.  D. 

**Câu 6.** Cho hình vẽ: Có bao nhiêu tia trong hình vẽ đã cho



A) 1 B) 2 C) 3 D) 4

**Câu 7.** Cho điểm  là trung điểm của đoạn thẳng . Khẳng định nào sau đây **sai**?

A.  B.  C.  D. 

**Câu 8:** Cho điểm B nằm giữa hai điểm A và C. Biết AB = 3cm; AC = 8cm. Độ dài BC là:

A) 5cm B) 11cm C) 4cm D) 8cm

**Câu 9.** **Chọn câu sai:**

A) Góc vuông là góc có số đo bằng 900.

B) Góc có số đo lớn hơn 00 và nhỏ hơn 900 là góc nhọn.

C) Góc tù là góc có số đo lớn hơn 900 và nhỏ hơn 1800

D) Góc có số đo nhỏ hơn 1800 là góc tù.

**Câu 10.** Tại thời điểm nào dưới đây kim giờ và kim phút đồng hồ tạo thành góc ?

A. giờ B. giờ C. giờ D. giờ

**Câu 11.** Cho dãy dữ liệu sau:

 Các hành tinh trong hệ mặt trời: Sao Thủy, Sao Kim, Trái Đất, Sao Băng, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương.

 **Dữ liệu không hợp lí là:**

A. Sao Thủy B. Sao Băng C. Sao Mộc D. Sao Hải Vương

Cho bảng thống kê sau. Em hãy trả lời **câu 12** và **câu 13**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động | Đọc sách | Chơi cờ vua | Nhảy dây | Đá cầu |
| Số bạn tham gia | 11 | 2 | 8 | 12 |

**Câu 12:** Có bao nhiêu bạn tham gia các hoạt động trên?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 30 | **B.** 12 | **C.** 32 | **D.** 33 |

**Câu 13:** Hoạt động nào thu hút nhiều bạn tham gia nhất ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Đọc sách | **B.** Chơi cờ vua | **C.** Nhảy dây | **D.** Đá cầu |

**Câu 14:** Trong trò chơi tung đồng xu có 2 mặt. Đâu là sự kiện có thể xảy ra khi tung đồng xu 2 lần?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Toàn mặt sấp | **B.** Toàn mặt ngửa | **C.** Cả mặt sấp và ngửa | **D.** Cả A, B và C |

**Câu 15:** Xác suất thực nghiệm của sự kiện **mặt ngửa** xuất hiện khi tung 20 lần đồng xu và có 10 lần **mặt sấp** xuất hiện ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.**   | **B.**  | **C.**  | **D.**   |

**II. TỰ LUẬN (7,0 điểm).**

**Bài 1. (1 điểm)**Thực hiện các phép tính sau:

  b) ****

**Bài 2.** **(1,0 điểm)** Tìm  biết:

1. a) **** b. 

**Bài 3. (1,0 điểm).**

 Bà Lan gửi tiết kiệm 400 000 000 VNĐ trong 1 năm, với lãi xuất 5% một năm ( Tức là sau 1 năm bà Lan nhận được số tiền lãi bằng 5% số tiền bà Lan gửi). Tính số tiền cả gốc và lãi bà Lan nhận được sau 1 năm.

**Bài 4** (1.5 điểm): Cho  Lấy điểm A nằm trong  . Kẻ tia OA.

a) (1,0 đ) Vẽ hình và liệt kê các góc tạo thành trong hình vẽ.

b) (0.5 đ) Trên cạnh Ox lấy 2 điểm C và D sao cho: OD = 6 cm và điểm C là trung điểm của của đoạn thẳng OD. Tính độ dài đoạn thẳng CD ?

**Bài 5. (1,5 điểm).**

 Bạn Nam tung đồng xu có 2 mặt sấp (S) và ngửa (N) 40 lần. Bạn Nam ghi lại trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| N | S | S | N | N | S | N | S | N | S |
| S | N | N | S | N | S | S | N | S | N |
| N | S | N | N | S | N | S | N | N | N |
| N | S | N | S | N | N | N | N | S | N |

a) Dữ liệu trên có phải là dữ liệu số không ? Có mấy sự kiện xảy ra trong dữ liệu ?

b) Lập bảng thống kê dữ liệu trên

c) Tính xác suất thực nghiệm của đồng xu xuất hiện mặt sấp ?

**Bài 6. (1,0 điểm).**

Một người bán cam lần thứ nhất người đó bán 50% số cam và 1 quả. Lần thứ hai người đó bán 50% số cam còn lại và thêm 1 quả. Lần thứ ba người đó bán 50% số cam còn lại và 1 quả. Cuối cùng còn lại 10 quả. Hỏi lúc đầu người dó có bao nhiêu quả cam.

------ Hết ------

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II****MÔN TOÁN 6** |

**I. TRẮC NGHIỆM**(3,0 đ)

Mỗi câu đúng được 0,2 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đ.án | C | B | B | A | B | D | B | A |
| Câu | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |  |
| Đ.án | D | A | B | D | D | D | B |  |

**II. TỰ LUẬN**(7,0 đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BÀI**  | **HƯỚNG DẪN** | **ĐIỂM** |
| Bài 1(1,0 đ) |  | 0,5 |
| b) | 0,5 |
| Bài 2(1,0 đ) | a)Vậy  | 0,250,25 |
| vậy  | 0,250,25 |
| Bài 3(1,0 đ) | a) Số tiền lãi bà Lan nhận được là: 20 000 000 VNĐ | 0,5 |
| b) Số tiền gốc và lãi bà Lan nhận được là: 420 000 000 VNĐ | 0,5 |
| Bài 4(1,5 đ) | a) Vẽ được hình :  Xác định được 3 góc tạo thành:  ;  ; b) Vì C là trung điểm của đoạn thẳng OD Mà OD = 6 cmNên:  | 0,50,50,250,25 |
| Bài 5(1,5 đ) | a) ) Dữ liệu trên không phải dữ liệu sốCó 2 sự kiện xảy ra b) Bảng thống kê:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mặt | Mặt sấp | Mặt ngửa |
| Số lần xảy ra | 16 | 24 |

c) Xác suất thực nghiệm của mặt sấp là:  | 0,50,0,5 |
| Bài 6(1,0 đ) | Sau lần bán thứ 2 còn lại số quả là: (10 + 1): 50% = 22 (quả)Sau lần bán thứ nhất còn lại số quả là: (22 + 1):50% = 46 (quả)Lúc đầu người đó có số quả cam là: (46 + 1) :50% = 94 (quả)Vậy lúc đầu người đó có 94 quả cam | 0,250,250,250,25 |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |